

**CHẤT LƯỢNG ĐỜI SỐNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC
CẤP XÃ, HUYỆN THUỘC TỈNH HÀ TĨNH
SAU KHI ĐỔI MỚI, SÁP NHẬP VÀ SẮP XẾP LẠI
THEO TỈNH THẦN
NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW CỦA ĐẢNG**

PGS, TS Trịnh Văn Tùng

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017¹ của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII, tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, để duy trì, phát huy tốt những kết quả tích cực và phục vụ cho giai đoạn tiếp theo (2023 - 2030), điều kiện quan trọng là nâng cao chất lượng đời sống của cán bộ, công chức (CB, CC) các cấp nói chung và cấp xã, cấp huyện nói riêng nhằm giúp họ an tâm, ổn định công tác.

Từ khóa: cán bộ, công chức, đời sống cá nhân, đời sống gia đình, đời sống xã hội.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 đã đề ra chủ trương tiếp tục đổi mới, sáp nhập và sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị sao cho hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tại Hà Tĩnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã có những chỉ đạo, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh đã đề ra nghị quyết và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã xây dựng và thực hiện kế hoạch phù hợp, đạt nhiều thành tựu to lớn. Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu chất lượng đời sống của đội ngũ với 03 nội dung: (i) chất lượng đời sống cá nhân; (ii) chất lượng đời sống gia đình; (iii) chất lượng đời sống xã hội (ngoài công việc).

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cán bộ, công chức trong nghiên cứu này được xác định theo Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12² ngày 13/11/2008 và Luật số 52/2019/QH14, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

Về chất lượng đời sống của người CB, CC, nhiều nghiên cứu phân tách hai yếu tố chất lượng đời sống vật chất và chất lượng đời sống tinh thần³. Bên cạnh đó, chất lượng đời sống lại được chia ra thành ba cấp độ xét về tương tác: (i) chất lượng đời sống cá nhân, chất lượng đời sống gia đình và chất lượng đời sống xã hội (ngoài công việc^{4,5,6,7,8,9},...). Những nghiên cứu này đều quan tâm phân tích mối quan hệ giữa chất lượng đời sống của người lao động với chất lượng công việc. Họ đã chỉ ra rằng, khối lượng và chất lượng công việc gia tăng theo tỉ lệ thuận với chất lượng đời sống, đồng thời tỉ lệ nghịch với áp lực công việc.

Từ những luận thuyết trên, chất lượng đời sống cá nhân của CB, CC cấp xã cấp huyện tỉnh Hà Tĩnh sau khi đổi mới, sáp nhập và sắp xếp được đo lường và đánh giá ở các đặc điểm sau: (i) chất lượng ăn uống; (ii) chất lượng giấc ngủ và thời gian nghỉ ngơi; (iii) chất lượng vệ sinh cá nhân; (iv) cảm xúc tích cực, bình an và hòa ái; (v) chất lượng hưởng thụ văn hóa (đọc sách, đọc báo, xem phim,

nghe đài, xem ti vi, nghe nhạc...). Chất lượng đời sống gia đình được xem xét dưới các đặc điểm: (i) góp phần làm gia tăng thu nhập của gia đình hay không; (ii) quan hệ hòa ái, cân bằng và tạo cảm xúc thoải mái cho cha mẹ hai bên nội ngoại; (iii) quan hệ hòa ái, cân bằng và tạo cảm xúc thoải mái cho con cháu (nếu có); (iv) được mọi người trong gia đình tôn trọng và yêu quý. Chất lượng đời sống xã hội (ngoài công việc) được tìm hiểu qua các chỉ báo như: (i) gia tăng thời gian gặp gỡ và giao lưu với bà con họ hàng hai bên nội ngoại; (ii) gia tăng thời gian gặp gỡ và giao lưu với bạn bè; (iii) gia tăng thời gian gặp gỡ & giao lưu với bà con lối xóm trong cộng đồng xung quanh; (iv) gia tăng thời gian gặp gỡ và giao lưu thể dục, thể thao; (v) gia tăng thời gian gặp gỡ và giao lưu, thực hành văn hóa tâm linh ở nơi công cộng (đi cúng, lễ ở đình, chùa, miếu, nhà thờ công giáo...).

Về phương pháp nghiên cứu, có ba phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong nghiên cứu này, đó là:

(i) Phương pháp phân tích tài liệu bao gồm các báo cáo đánh giá, sơ kết kết quả thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Trên cơ sở các báo cáo này, nhóm nghiên cứu được biết, toàn tỉnh Hà Tĩnh có 34 đơn vị hành chính cấp xã đã được sáp nhập và sắp xếp lại. Các tài liệu khoa học khác cũng chứa đựng nhiều nội dung nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của việc đổi mới, sáp nhập và sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, rất hiếm nghiên cứu ở Việt Nam bàn về chất lượng cuộc sống của đội ngũ CB, CC thuộc hệ thống chính trị sau sáp nhập, sắp xếp lại. Như vậy, so với lý luận chung về chất lượng cuộc sống của CC, VC, phương pháp phân tích tài liệu đã chỉ ra được khoảng trống nhận thức hoặc đối tượng nghiên cứu (đơn vị phân tích) cần tìm hiểu sâu sắc hơn.

(ii) Phương pháp phỏng vấn sâu bán cấu trúc đối với 53 CB, CC cấp xã, cấp huyện từ thành phố Hà Tĩnh, huyện Đức Thọ, huyện Thạch Hà và huyện Can Lộc. Đây là những CB, CC thuộc cơ quan đảng, HĐND, UBND

và MTTQ các xã đã sáp nhập, sắp xếp lại. 53 phỏng vấn sâu bán cấu trúc xoay quanh năm nội dung chính, bao gồm: (i) đời sống cá nhân; (ii) đời sống gia đình; (iii) đời sống xã hội (ngoài công việc); (iv) áp lực từ công việc hiện tại; (v) kỳ vọng về cải thiện đời sống và việc làm. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ tập trung phân tích ba nội dung về đời sống cá nhân, đời sống gia đình và đời sống xã hội của CB, CC.

(iii) Phương pháp thứ ba đó là đã trưng cầu ý kiến đối với 510 CB, CC đảng, HĐND, UBND và MTTQ của tất cả 34 xã đã sáp nhập, sắp xếp lại. Tuy nhiên, số phiếu thu về và sau khi làm sạch để đạt chất lượng phục vụ phân tích là 473 phiếu. Đợt khảo sát được tiến hành từ 04/07/2023 đến 24/07/2023. Nội dung khảo sát cũng xoay quanh năm trục chính: (i) đời sống cá nhân của CB, CC; (ii) đời sống gia đình của CB, CC; (iii) đời sống xã hội (ngoài công việc) của CB, CC; (iv) áp lực đối với công việc hiện tại; (v) kỳ vọng về cải thiện đời sống và việc làm CB, CC. Khác với phỏng vấn sâu bán cấu trúc có thể thông qua những câu hỏi đi tìm thông tin thuần túy định tính, mang tính chiều sâu, thì bảng hỏi dùng thang đo Likert 5 mức độ để so sánh chất lượng đời sống trước và sau khi sáp nhập, sắp xếp lại. Người trả lời bảng hỏi có thể tự đánh giá thực trạng chất lượng đời sống của bản thân trước và sau khi sáp nhập, sắp xếp lại theo thang điểm từ 01 đến 05, cụ thể là từ 01 điểm tương đương với “chất lượng đời sống giảm đi rất nhiều” đến 05 điểm, tương đương với “chất lượng đời sống tăng lên rất nhiều”. Nhằm lượng hóa các biến số định tính nêu trên, tác giả bài báo này đã áp dụng công thức tính khoảng giá trị định tính cách đều từ thang đo định lượng là $(n-1)/n = 5(5-1)/5 = 0,8$. Như vậy, các giá trị được lượng hóa để đánh giá, phân tích chất lượng đời sống của CB, CC cấp xã sau sáp nhập, sắp xếp lại gần với các khoảng điểm trung bình như sau: từ 1.0-1.8 điểm tương đương “chất lượng đời sống giảm đi rất nhiều”; từ 1.81-2.6 tương đương “chất lượng đời sống giảm đi một ít”; từ 2.61-3.6 tương đương chất lượng đời sống

vẫn như trước; từ 3.61-4.2 tương đương “chất lượng đời sống tăng lên một ít”; từ 4.21-5.0 tương đương “chất lượng đời sống tăng lên rất nhiều”.

2. Kết quả nghiên cứu chất lượng đời sống cá nhân

Sau sáp nhập, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đường như chất lượng cuộc sống cá nhân của CB, CC cấp huyện, cấp xã tỉnh Hà Tĩnh được cải thiện khá rõ nét ở các chiều cạnh: (i) cảm xúc tích cực, an bình và hòa ái

với điểm trung bình 4.0, tức là gần tiệm cận với mức độ “được cải thiện rất nhiều”; (ii) chất lượng vệ sinh cá nhân với 3.7 điểm trung bình, nghĩa là khá hơn một chút so với trước; (iii) chất lượng thụ hưởng văn hóa, nghệ thuật (đọc sách, xem phim, nghe đài, đọc báo,...), chất lượng ăn uống và chất lượng giấc ngủ, thời gian nghỉ ngơi gần như vẫn như cũ, mặc dù điểm trung bình của chất lượng giấc ngủ, thời gian nghỉ ngơi thấp hơn với 3.3 so với 3.6 điểm (Bảng 1).

Bảng 1. Tự đánh giá chất lượng đời sống cá nhân của CB, CC sau khi sáp nhập, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hệ thống chính trị cấp xã, cấp huyện

(Đơn vị = ĐTB)	Độ tuổi			Giới tính		Giữ vị trí quản lý		Thâm niên công tác			Huyện			Tổng
	< 40	< 50	≥ 50	Na m	Nữ	Có	Khôn g	< 10 năm	< 15 năm	≥ 15 năm	Đồng bằng	Duyên hải	Miền núi	
Chất lượng ăn uống	3.7	3.4	3.6	3.5	3.5	3.6	3.5	3.4	3.9	3.6	3.5	3.6	3.6	3.6
Chất lượng giấc ngủ & thời gian nghỉ ngơi	3.4	3.2	3.1	3.2	3.4	3.4	3.1	3.3	3.5	3.1	3.1	3.3	3.3	3.3
Chất lượng vệ sinh cá nhân	3.8	3.5	3.9	3.7	3.6	3.8	3.5	3.6	3.8	3.8	3.6	3.7	3.8	3.7
Cảm xúc tích cực, an bình và hòa ái	3.9	3.8	4.2	4.1	3.7	4.1	3.8	3.8	4.0	4.2	3.8	4.0	4.0	4.0
Chất lượng thụ hưởng văn hóa, nghệ thuật (đọc sách, xem phim, nghe đài, đọc báo,...)	3.8	3.5	3.7	3.7	3.6	3.7	3.5	3.6	3.9	3.7	3.4	3.6	3.8	3.6
Điểm trung bình chung	3.7	3.3	3.7	3.6	3.6	3.7	3.5	3.5	3.8	3.7	3.5	3.6	3.7	3.6

Nhìn vào bảng 1, ta thấy, xét về độ tuổi, CB, CC nhỏ hơn 40 tuổi và trên 50 tuổi có sự cải thiện đáng kể chất lượng đời sống cá nhân, trong khi đó, đối với CB, CC từ 40 tuổi đến 50 tuổi thì chất lượng cuộc sống cá nhân vẫn như cũ, ở mức trung bình. Xét về giới tính, không có sự khác biệt giữa chất lượng đời sống của CB, CC nam so với CB, CC nữ. Đây là một điểm quan trọng và có ý nghĩa trong vấn đề bình đẳng giới trong hệ thống chính trị sau khi sáp nhập, sắp xếp lại. Xét chất lượng đời sống cá nhân của CB, CC có giữ chức vụ quản lý so với CB, CC không giữ chức vụ quản lý, ta thấy rằng nhóm thứ nhất có sự cải thiện chất lượng đời sống cá nhân với 3.7 trung bình so với 3.5 điểm của nhóm

hai. Nói cách khác, trong khi chất lượng đời sống của nhóm CB, CC có giữ vị trí quản lý được cải thiện phần nào, thì chất lượng đời sống của nhóm CB, CC không giữ vị trí quản lý vẫn như cũ, tức là ở mức trung bình. Xét về thâm niên công tác, chất lượng đời sống cá nhân của CB, CC có thâm niên từ 10 năm đến 15 năm và từ 15 năm trở lên đã được cải thiện một ít với lần lượt là 3.8 và 3.7 điểm trung bình, nghĩa là tương đối khá. Trong khi đó, chất lượng đời sống cá nhân của CB, CC có thâm niên công tác dưới 10 năm thì không có gì thay đổi, tức là vẫn ở mức trung bình. Xét về vùng miền, chỉ có chất lượng đời sống cá nhân của CB, CC miền núi đã được cải thiện phần nào, trong khi đó, chất lượng đời sống

cá nhân của CB, CC các vùng đồng bằng và duyên hải không có gì thay đổi. Dữ liệu định tính phân nào lý giải cho điều này: “*Nếu nói về chất lượng ăn uống, giấc ngủ và thời gian nghỉ ngơi... thì đúng là CB, CC ở các xã miền núi chúng tôi hoàn toàn được hưởng thụ đồ sạch, không khí trong lành, cây xanh mát mẻ. Giấc ngủ thường rất sâu nhờ ô - xy sạch*” (Nữ, đảng ủy viên xã, 16 năm thâm niên).

3. Kết quả nghiên cứu chất lượng đời sống gia đình

Kết quả nghiên cứu tại bảng 2 dưới

Bảng 2. Tự đánh giá chất lượng đời sống gia đình của CB, CC sau khi tổ chức sáp nhập, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hệ thống chính trị cấp xã, cấp huyện

(Đơn vị = ĐTB)	Độ tuổi			Giới tính		Giữ vị trí quản lý		Thâm niên công tác			Vùng miền			Tổng
	< 40	< 50	≥ 50	Nam	Nữ	Có	Không	< 10 năm	< 15 năm	≥ 15 năm	Đồng bằng	Duyên hải	Miền núi	
Góp phần gia tăng thu nhập cho gia đình	2.6	2.7	2.9	2.9	2.6	2.9	2.6	2.8	2.2	3.3	2.3	2.8	3.1	2.8
Quan hệ hòa ái, cân bằng và tạo cảm xúc thoải mái cho cha mẹ hai bên nội ngoại	3.1	4.4	3.9	3.9	3.6	4.0	3.4	3.8	3.4	4.1	3.7	3.6	4.0	3.8
Quan hệ hòa ái, cân bằng và tạo cảm xúc thoải mái cho vợ/chồng	3.2	4.3	3.8	3.8	3.7	3.9	3.5	3.8	3.4	4.0	3.6	3.6	4.0	3.8
Quan hệ hòa ái, cân bằng và tạo cảm xúc thoải mái cho con cháu	3.2	4.2	3.9	3.9	3.6	4.0	3.5	3.8	3.5	4.0	3.7	3.6	4.0	3.8
Được mọi người trong gia đình tôn trọng và yêu quý	3.8	4.5	4.1	4.1	4.1	4.3	3.9	4.0	4.1	4.3	4.1	4.0	4.3	4.1
Điểm trung bình chung	3.2	4.0	3.7	3.7	3.6	3.8	3.4	3.6	3.3	3.9	3.5	3.5	3.9	3.7

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài, 2023)

Như vậy, sự gia tăng chất lượng đời sống gia đình của CB, CC thuộc sau sáp nhập, sắp xếp lại cho thấy giá trị bền vững của các gia đình này. Xét về nhóm tuổi, trong khi chất lượng đời sống gia đình của CB, CC từ 40 tuổi đến 50 tuổi hoặc từ 50 tuổi trở lên có sự thay đổi tích cực, với lần lượt là 4.0 và 3.7 điểm trung bình, tức là ở mức khá, thì chất lượng đời sống gia đình của nhóm CB, CC dưới 40 tuổi vẫn như cũ, nghĩa là không có sự thay đổi gì, với điểm trung bình là 3.2. Lý giải

đây cho thấy rằng, CB, CC trong hệ thống chính trị cấp xã, cấp huyện sau sáp nhập, sắp xếp lại không gia tăng đóng góp thu nhập cho gia đình mình với 2.8 điểm trung bình. Tuy nhiên, họ vẫn nhận được nhiều tình cảm tôn trọng và yêu thương của gia đình với 4.1 điểm trung bình, tiệm cận ở mức rất tốt. Tất cả các chỉ báo chất lượng đời sống gia đình như quan hệ hòa ái, cân bằng giữa vợ/chồng, với cha mẹ đôi bên và với con cháu đều đã được đánh giá ở mức khá tốt với 3.8 điểm trung bình (Bảng 2).

cho điều này, một cán bộ nam cấp xã cho biết: “*Ở lứa tuổi của chúng tôi, chất lượng đời sống gia đình chưa thể bằng được so với các gia đình CB, CC lớn tuổi hơn vì chúng tôi còn vất vả, phải chăm sóc con nhỏ. Bên cạnh đó, lương chúng tôi còn thấp mà lại phải lo cho con cái và cha mẹ hai bên*” (Nam, cán bộ xã, 37 tuổi). Xét về giới tính, có thể nói chất lượng đời sống gia đình của nam CB, CC và nữ cán bộ công chức gần như tương đương nhau với điểm trung bình lần lượt là 3.7 so

với 3.6, tiệm cận ở mức bắt đầu khá: “*Là nam CB, CC hay là nữ CB, CC thì chất lượng đời sống gia đình cũng vậy cả thôi. Tôi thấy họ đều quan tâm và chăm lo tốt cho cuộc sống gia đình*” (Nữ, cán bộ huyện, 45 tuổi). Xét về góc độ có giữ chức vụ quản lý hay không, thì chất lượng cuộc sống gia đình của CB, CC có vị trí quản lý cao hơn hẳn so với chất lượng đời sống gia đình của CB, CC không nắm giữ vị trí quản lý, tức là 3.8 điểm trung bình (mức khá) so với 3.4 điểm (mức trung bình). Xét về thâm niên công tác, chất lượng đời sống gia đình của CB, CC có thâm niên công tác từ 50 năm trở lên là cao nhất với 3.9 điểm trung bình: “*Càng công tác xã hội lâu thì càng thấy đời sống gia đình quan trọng nên chúng tôi quan tâm và dành thời gian nhiều hơn cho nó. Gia đình êm ấm, hạnh phúc quan trọng hơn so với công việc thành công cơ đấy*” (Nữ, cán bộ huyện, 51 tuổi). Xét về vùng miền, chất lượng đời sống gia đình của CB, CC miền núi được gia tăng và cải thiện tốt hơn so với CB, CC vùng đồng bằng và duyên hải với lần lượt là 3.9, 3.5 và 3.5 điểm trung bình: “*Ở đồng bằng hoặc vùng duyên hải, sự giao lưu xã hội nhiều khi cũng tốt nhưng vô hình trung làm giảm thời gian quan tâm đến gia đình của CB, CC. Ban ngày làm việc, buổi chiều tối giao lưu thì còn đâu thời gian chăm sóc vợ, chồng, cha, mẹ hai bên, con, cháu*” (Nam, cán bộ xã, 52 tuổi).

4. Kết quả nghiên cứu chất lượng đời sống xã hội

Bảng 3 mô tả chất lượng đời sống xã hội của CB, CC sau sáp nhập, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hệ thống chính trị cấp xã, cấp huyện tỉnh Hà Tĩnh. Đặc điểm đầu tiên là đội ngũ này đã gia tăng thời gian gặp gỡ và giao lưu với cộng đồng xung quanh với 3.7 điểm trung bình, nghĩa là ở mức khá nhờ có sự cải thiện so với trước khi sáp nhập, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hệ thống chính trị: “*Dù làm gì thì làm, mối liên kết với cộng đồng xung quanh là vô cùng quan trọng, bởi vì, nó thể hiện tình làng, nghĩa xóm, một trong những giá trị lớn của đời sống cộng đồng. Nếu mình hòa đồng thì khi việc ận động, thúc đẩy, tổ chức cho bà con làm việc này, việc nọ cũng thuận lợi hơn*” (Nam, cán bộ huyện, 50 tuổi).

Tất cả các đặc điểm còn lại (thời gian gặp gỡ và giao lưu thể dục, thể thao; thực hành văn hóa tâm linh ở nơi công cộng; thời gian gặp gỡ & giao lưu với họ hàng nội ngoại; thời gian gặp gỡ và giao lưu văn nghệ, tham gia sự kiện văn hóa, nghệ thuật) vẫn không có gì thay đổi so với trước khi sáp nhập, sắp xếp lại, có nghĩa là ở mức độ trung bình với sự dao động từ 3.0 đến 3.4 điểm. Như vậy, chất lượng đời sống xã hội của CB, CC cấp xã, cấp huyện tỉnh Hà Tĩnh sau khi sáp nhập, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hệ thống chính trị vẫn duy trì ổn định, không bị xáo trộn, tuy chỉ ở mức trung bình. Kết quả nghiên cứu này thể hiện được sự cân bằng tương đối giữa đời sống nghề nghiệp (công việc) và đời sống xã hội của người CB, CC. Đây là một trong những điều kiện để đội ngũ này đi tìm được sự cân bằng và hạnh phúc của mình (Bảng 3).

Bảng 3. Tự đánh giá chất lượng đời sống xã hội của CB, CC sau khi tổ chức sáp nhập, sắp xếp lại

(Đơn vị = ĐTB)	Độ tuổi			Giới tính		Giữ vị trí quản lý		Thâm niên công tác			Vùng miền			Tổng
	< 40	< 50	≥ 50	Na m	Nữ	Có	Không	< 10 năm	< 15 năm	≥ 15 năm	Đồng bằng	Duyên hải	Miền núi	
Thời gian gặp gỡ & giao lưu với bà con họ hàng bên mình	3.2	2.6	3.6	3.5	2.9	3.3	3.2	3.5	2.5	3.7	2.9	3.5	3.5	3.3
Thời gian gặp gỡ & giao lưu với bà con họ hàng bên vợ/chồng của mình	3.3	2.7	3.8	3.6	3.0	3.5	3.2	3.5	2.6	3.9	3.2	3.5	3.5	3.4

Thời gian gặp gỡ & giao lưu với bạn bè	3.2	2.8	3.7	3.5	3.1	3.3	3.2	3.2	2.8	3.8	3.2	3.3	3.4	3.3
Thời gian gặp gỡ & giao lưu với bà con lối xóm trong cộng đồng xung quanh	3.3	3.3	4.2	3.9	3.4	4.0	3.3	3.5	3.0	4.4	3.4	3.7	3.9	3.7
Thời gian gặp gỡ và giao lưu văn nghệ, tham gia sự kiện văn hóa, nghệ thuật	3.1	2.9	3.9	3.6	3.1	3.6	3.2	3.3	2.7	4.0	3.1	3.6	3.5	3.4
Thời gian gặp gỡ và giao lưu thể dục, thể thao	3.1	3.1	3.8	3.4	3.3	3.5	3.2	3.4	2.8	3.9	3.4	3.6	3.3	3.0
Thời gian gặp gỡ và giao lưu, thực hành văn hóa tâm linh ở nơi công cộng (đi cúng, lễ ở đình, chùa, miếu, nhà thờ công giáo,...)	3.2	2.9	3.2	3.1	3.1	3.2	3.0	2.9	3.0	3.5	2.9	3.0	3.3	3.1
Điểm trung bình chung	3.2	2.9	3.7	3.5	3.1	3.5	3.2	3.3	2.9	3.9	3.2	3.5	3.5	3.3

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài, 2023)

Nhìn bảng 3 ta thấy, xét về độ tuổi, CB, CC từ 50 tuổi trở lên và dưới 40 tuổi có chất lượng đời sống xã hội cao hơn so với CB, CC thuộc nhóm giữa từ 40 tuổi đến 50 tuổi, tức là họ dành thời gian để giao lưu nhiều hơn với lần lượt là 3.7, 3.2 và 2.9 điểm trung bình: *“Vì chúng tôi đang thuộc độ tuổi gánh hai đầu nên thời gian giao lưu và tham gia các hoạt động xã hội không thể bằng với nhóm CB, CC từ 50 tuổi trở lên được. Nhóm này đã bước vào giai đoạn ổn định cuộc sống khi con cái đã lớn khôn, còn ông bà thì nhiều người cũng đã mất. Trong khi đó, nhóm CB, CC dưới 40 tuổi thì lại có ông bà còn trẻ, có thể chăm sóc cháu nhỏ nên họ cũng có thời gian nhiều hơn chúng tôi để tham gia các hoạt động xã hội”* (nam, cán bộ xã, 44 tuổi). Xét về chiều cạnh giới tính, chất lượng đời sống xã hội của nam CB, CC cao hơn chất lượng đời sống xã hội của nữ CB, CC với lần lượt là 3.5 điểm, ở mức trung bình khá so với 3.1 điểm ở mức trung bình: *“Sau khi làm việc ở cơ quan, nam giới còn có thời gian đi giao lưu với người này, người khác, còn nữ giới chúng tôi phải trở về nhà lo cho con cái, ông bà từng bữa cơm mà”* (Nữ, cán bộ xã, 41 tuổi). Xét dưới góc độ có giữ vị trí quản lý hay không thì CB, CC giữ một vị trí quản lý nào đó có chất lượng đời sống xã hội cao hơn so với cán bộ, công chức không giữ vị trí quản lý, với lần lượt 3.5 điểm, ở mức trung

bình khá, so với 3.2 điểm, ở mức trung bình: *“Vị trí quản lý cho phép tôi có nhiều giao lưu, nhiều tiếp xúc với lãnh đạo cấp trên và bà con nhiều nơi khác nhau. Điều này cũng làm phong phú thêm các quan hệ và tương tác xã hội”* (Nam, cán bộ huyện, 51 tuổi). Xét về thâm niên công tác, thì CB, CC từ 15 năm thâm niên hoặc dưới 10 năm thâm niên có chất lượng đời sống xã hội cao hơn so với nhóm CB, CC có 10 năm đến 15 năm thâm niên với lần lượt là 3.9, 3.3 và 2.9 điểm trung bình. Điều này có nghĩa là chất lượng đời sống xã hội của CB, CC có thâm niên trên 15 năm đạt mức khá, dưới 10 năm đạt mức trung bình khá, còn từ 10 năm đến 15 năm chỉ đạt mức trung bình. Xét về vùng miền, chất lượng đời sống xã hội của CB, CC miền núi và duyên hải đều đạt mức trung bình khá với 3.5 điểm trung bình, cao hơn so với CB, CC vùng nông thôn đồng bằng với 3.2 điểm.

Kết luận

Chất lượng đời sống gia đình và đời sống cá nhân của đội ngũ CB, CC thuộc hệ thống chính trị cấp huyện, cấp xã tỉnh Hà Tĩnh sau khi sáp nhập, sắp xếp lại đều được tự đánh giá ở mức khá với 3.7 và 3.6 điểm trung bình chung, cao hơn so với chất lượng đời sống xã hội của họ với 3.3 điểm trung bình chung. Trong đời sống gia đình, mặc dù không làm gia tăng thu nhập chung, nhưng chất lượng đời sống thông qua sự tôn trọng và

yêu thương, quan hệ hòa ái, cân bằng và tạo cảm xúc thoải mái giữa vợ chồng, cho cha mẹ hai bên nội ngoại và cho con cháu đạt ở mức khá. Trong khi đó, chất lượng đời sống cá nhân của đội ngũ này cơ bản cũng đạt ở mức khá, chỉ trừ chất lượng về giấc ngủ và nghỉ ngơi là đạt mức trung bình. Cuối cùng, chất lượng đời sống xã hội của đội ngũ này chỉ đạt ở mức trung bình với hầu hết các đặc điểm, ngoại trừ thời gian gặp gỡ và giao lưu với cộng đồng xung quanh là đạt mức khá với 3.7 điểm trung bình. Kết quả này nói lên hai điều: Thứ nhất, thời gian dành cho công việc của CB, CC cấp xã, cấp huyện tỉnh Hà Tĩnh sau khi sáp nhập, sắp xếp lại đã tăng lên. Thứ hai, ngoài thời gian dành cho công việc, CB, CC

cấp xã, cấp huyện tỉnh Hà Tĩnh có xu hướng dành thời gian cho đời sống gia đình và đời sống bản thân nhiều hơn so với việc tham gia đời sống xã hội (ngoài công việc). Ở cả ba cấp độ (cá nhân, gia đình và xã hội), chất lượng đời sống giữa nhóm CB, CC từ 50 tuổi trở lên hoặc dưới 40 tuổi, nhóm nam giới, nhóm nắm giữ vị trí quản lý, nhóm có thâm niên từ 15 năm trở lên hoặc có thâm niên dưới 10 năm, nhóm sinh sống và làm việc ở miền núi và duyên hải có chất lượng đời sống cao hơn các nhóm còn lại xét theo các đặc điểm nhóm tuổi (thâm niên công tác), giới tính, giữ vị trí quản lý hay không, vùng sinh sống và làm việc.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.* <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-18-NQ-TW-2017-sap-xep-to-chuc-bo-may-cua-he-thong-chinh-tri-tinh-gon-hoat-dong-hieu-luc-365493.aspx>. Truy cập ngày 15/11/2023.

² Quốc hội: Luật cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008 và Luật số 52/2019/QH14, sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

³ Masse Max: “Fonction publique, la qualité de vie au travail (QVT) quitte le côté obscur” Dans *Gestion & Finances Publiques*, 2017/3 (N° 3), pp. 93-98.

⁴ Grosjean V., Guyot S: “Bien-être et qualité de vie au travail, risques psychosociaux : de quoi parle-t-on?” Dans *La revue technique de l'INRS*. N. 2142. Janvier/Février/Mars, 2016, pp. 6-9.

⁵ Masse M., Pracros P.: La négociation de la QVT dans la fonction publique : état des lieux et avancées possibles. *Revue des conditions de travail*. N° 04. Mai, 2016, pp. 123-131.

⁶ Masse M.: Santé au travail et responsabilité sociale de l'État-employeur. Un nouveau territoire de gouvernance publique? Dans 4^e *colloque AIRMAP*. « Nouveaux territoires du management public », Lyon, 2015, 26 et 27 mai.

⁷ Masse M.: Gouvernance de la santé au travail et principe de subsidiarité. L'exemple d'un assemblage secteurs public-privé comme ressource formative sur les territoires. Dans *Revue européenne du droit social*. Issue 3. Juin, 2014, pp. 56-73.

⁸ Sanglerat M.-B., Masse M.: Construction d'un système santé et sécurité au travail. L'exemple de la fonction publique française. Dans *Préventique*. N° 134. Mars-Avril, 2014, pp. 55-57.

⁹ Volkoff S., Daniellou F.: Travail de qualité, emploi durable, performance durable. Dans *Actes de Journées de Bordeaux*, Sur la pratique de l'ergonomie. Mars, 2015.